

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày 26 - 11 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và Ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2019/TLST-HS ngày 14/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn N, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05 tháng 6 năm 1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kh, sinh năm 1968 và bà Phan Thị Th, sinh năm 1965; chưa có vợ, con; tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng (Bản án số 269/2016/HSST ngày 21/6/2016), ngày 02/6/2017 chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí; ngày 02/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính về hành vi: “Sử dụng trái phép chất ma túy”, với số tiền 750.000 đồng (Theo Quyết định số: 3154-QĐ/XPVPHC ngày 06/12/2018 của Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế), bị cáo chưa nộp tiền phạt; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Phạm Văn B, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Trương Hoàng S, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 11/9/2019, Nguyễn N nảy sinh ý định mua ma túy (dạng đá) về để sử dụng và bán nên đã đi vào thành phố Đà Nẵng (đi xe khách tuyến Huế-Đà Nẵng) để mua ma túy. Khi đến khu vực siêu thị Big C thuộc phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng thì N gặp một người đàn ông tên “A”, N nhận ra là người bán ma túy nên hỏi mua ma túy (dạng đá). N mua 1.000.000 đồng ma túy (dạng đá) từ “A” và được “A” cho thêm 01 gói ma túy (dạng heroin) để sử dụng thử và nếu có ai hỏi mua thì bán. Sau khi mua ma túy từ “A” xong, Nguyễn N đón xe về lại nhà ở của mình tại thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 12/9/2019, Phạm Văn B gọi điện thoại cho Nguyễn N và hỏi: “Còn không? để cho cây năm” - nghĩa là B hỏi N có ma túy (dạng đá) không bán cho B 500.000 đồng. Nghe vậy, Nguyễn N trả lời: “Có, về nhà anh lấy” - tức là N đồng ý bán ma túy (dạng đá) cho B và dặn B về nhà ở của mình để mua bán ma túy. Ngay sau đó, Phạm Văn B đến nhà ở của Nguyễn N. Khi B đi vào phòng bếp trong nhà ở của Nguyễn N thì N hỏi: “Mi ở mô mới về”, B trả lời: “Tau đi Lào về”, N hỏi thêm: “Không phải ở Sài Gòn ra à?”. Lúc này, N đã chuẩn bị sẵn 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá (bỏ trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “JET”), B đưa cho N số tiền 500.000 đồng thì N nhận tiền và đặt vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “JET” bên trong có 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá lên thùng giấy có sẵn trong phòng bếp. B hiểu ý bên trong bao thuốc lá “JET” có ma túy tổng hợp dạng đá nên cầm lấy và bỏ vào túi quần rồi ra về. Quá trình mua bán trái phép chất ma túy giữa Nguyễn N và Phạm Văn B thì có Trương Hoàng S là bạn của N đang ở trong nhà của N và chứng kiến toàn bộ sự việc.

Đến 15 giờ 26 phút cùng ngày, khi Phạm Văn B đi bộ từ nhà ở của Nguyễn N tới cầu Đ, thuộc thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, lúc này B lấy gói ma túy tổng hợp dạng đá từ trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “JET” ra rồi bỏ vào túi quần của mình và vứt vỏ bao thuốc lá xuống khu vực bờ sông cầu Đ. Ngay lúc đó thì B bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P phát hiện, thu giữ trong người 01 gói ny lông màu trắng bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu đen, có sim kèm theo số 090642XXXX. B khai nhận gói ny lông màu trắng bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng là ma túy tổng hợp dạng đá vừa mới mua của Nguyễn N. Từ lời khai nhận của B, Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn N, thu giữ trên người Nguyễn N số tiền 1.300.000 đồng (trong đó có số tiền 500.000 đồng là tiền Nguyễn N vừa mới bán ma túy cho Phạm Văn B có được, số tiền 800.000 đồng còn lại là tiền cá nhân của Nguyễn N sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân).

Ngay sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở (nhà ở) của Nguyễn N, đã thu giữ: 01 “cái nỏ” là đoạn ống thủy tinh trong suốt; 01 cái lưỡi dao lam; 01 cái kéo nhỏ màu bạc; 01 ống hút màu trắng bằng nhựa; 01 cái máy lửa màu xanh; 01 đoạn ống hút màu trắng và tím bằng nhựa; 22 bao ny lông nhỏ bằng nhựa màu trong suốt; 01 điện thoại di động Nokia TA 1034 màu đen kèm theo sim số 076666XXXX; 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chất bột khô màu trắng.

Tại bản Kết luận giám định số: 475/GĐ ngày 16/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định (mẫu tinh thể rắn màu trắng được đựng trong gói ny lông màu trắng thu giữ từ Phạm Văn B) có khối lượng: 0,0465g (không phẩy không bốn sáu năm gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

Mẫu chất bột khô màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định (mẫu chất bột khô màu trắng-dạng cục thu giữ từ Nguyễn N) có khối lượng: 0,0229g (không phẩy không hai hai chín gam), là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Nguyễn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tạm giữ gồm: - 01 (một) gói ny lông màu trắng bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, sau khi giám định, cơ quan giám định không hoàn lại do đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu đen có sim kèm theo số: 090642XXXX;

- 01 (một) “cái nỏ” - đoạn ống thủy tinh trong suốt;
- 01 (một) cái (lưỡi) dao lam;
- 01 (một) cái kéo nhỏ màu bạc;
- 01 (một) ống hút màu trắng bằng nhựa;
- 01 (một) cái máy lửa màu xanh;
- 01 (một) đoạn ống hút màu trắng và tím bằng nhựa;
- 22 (hai mươi hai) bao ni lông nhỏ bằng nhựa màu trong suốt;
- 01 (một) giấy bạc màu trắng gói bên trong có chứa chất bột màu trắng (dạng cục), sau khi giám định, cơ quan giám định không hoàn lại do đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu;

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành: 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng);

- 01 (một) điện thoại di động Nokia TA 1034 màu đen có sim kèm theo số: 076666XXXX;

- 01 (một) gói tinh thể rắn màu trắng được bọc trong gói ny lông nhựa màu trắng, cơ quan giám định không hoàn lại do đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu.

Đối với 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “JET” sau khi Phạm Văn B lấy gói ma túy tổng hợp dạng đá ở bên trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “JET” này thì B đã vứt vỏ bao thuốc lá này tại khu vực bờ sông cầu Đ, xã L, huyện P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 12/11/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Nguyễn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo Nguyễn N từ 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu đen có sim kèm theo số 090642XXXX; 01 (một) điện thoại di động Nokia TA 1034 màu đen có sim kèm theo số: 076666XXXX; số tiền 500.000 đồng Nguyễn N có được do bán ma túy cho Phạm Văn B. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) “cái nỏ” - đoạn ống thủy tinh trong suốt; 01 (một) cái (lưỡi) dao lam; 01 (một) cái kéo nhỏ màu bạc; 01 (một) ống hút màu trắng bằng nhựa; 01 (một) cái máy lửa màu xanh; 01 (một) đoạn ống hút màu trắng và tím bằng nhựa; 22 (hai mươi hai) bao ni lông nhỏ bằng nhựa màu trong suốt. Trả lại cho bị cáo Nguyễn N số tiền 800.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án này không ai có ý kiến, yêu cầu hoặc khiếu nại liên quan đến các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện. Vì vậy,

các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng nói trên là hợp pháp.

[2] Về tội danh “Mua chuyển trái phép chất ma túy” của bị cáo Nguyễn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo N tại phiên tòa là phù hợp với biên bản bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản dựng hiện trường; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 12/9/2019, tại nhà của ông Nguyễn Kh (là cha ruột của bị cáo Nguyễn N) thuộc thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn N đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn B, qua giám định và kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có khối lượng: 0,0465g (không phải không bốn sáu năm gam), là ma túy, loại Methamphetamine và 0,0229g (không phải không hai hai chín gam), là ma túy, loại Heroine. Đây là những chất ma túy nằm trong danh mục của Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, trong đó Heroine là chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội.

Với hành vi mua bán trái phép chất ma túy đã được giám định, kết luận như trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo Nguyễn N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy, gây tác hại cho sức khỏe, phẩm giá con người, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, lây nhiễm HIV/AIDS, cũng như các loại tội phạm khác; nên cần phải xét xử nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi bị bắt giữ, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 269/2016/HSST ngày 21/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh và 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (do bị cáo chưa nộp tiền phạt). Do vậy, bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về nhân thân, bị cáo là người thường xuyên sử dụng chất ma

túy, có mối quan hệ với nhiều đối tượng liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của bị cáo Nguyễn N. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thêm một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này, đối với người đàn ông tên “A” (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) là đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn N tại khu vực siêu thị Big C thuộc phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở xử lý.

Đối với Phạm Văn B là người có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy sau khi mua ma túy của Nguyễn N, Cơ quan Công an huyện P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật. Đối với Trương Hoàng S (là người làm chứng trong vụ án), quá trình điều tra S khai nhận trước đây có sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn N nhưng giữa S và N không xác định được thời gian, địa điểm cụ thể về việc sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Nguyễn Kh là cha ruột của bị cáo Nguyễn N, khi bị cáo N bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn B trong nhà ông Kh nhưng ông Kh không biết, nên các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét trách nhiệm đối với ông Kh là có căn cứ pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau: Tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu đen có sim kèm theo số 090642XXXX; 01 (một) điện thoại di động Nokia TA 1034 màu đen có sim kèm theo số: 076666XXXX; số tiền 500.000 đồng Nguyễn N có được do bán ma túy cho Phạm Văn B mà có. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) “cái nổ” - đoạn ống thủy tinh trong suốt; 01 (một) cái (lưỡi) dao lam; 01 (một) cái kéo nhỏ màu bạc; 01 (một) ống hút màu trắng bằng nhựa; 01 (một) cái máy lửa màu xanh; 01 (một) đoạn ống hút màu trắng và tím bằng nhựa; 22 (hai mươi hai) bao ni lông nhỏ bằng nhựa màu trong suốt. Trả lại cho bị cáo Nguyễn N số tiền 800.000 đồng.

[5] Đối với hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm chịu án phí: Bị cáo Nguyễn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố:

* Tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu đen có sim kèm theo số 090642XXXX; 01 (một) điện thoại di động Nokia TA 1034 màu đen có sim kèm theo số: 076666XXXX; số tiền 500.000 đồng Nguyễn N có được do bán ma túy cho Phạm Văn B;

* Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) “cái nỏ” - đoạn ống thủy tinh trong suốt; 01 (một) cái (lưỡi) dao lam; 01 (một) cái kéo nhỏ màu bạc; 01 (một) ống hút màu trắng bằng nhựa; 01 (một) cái máy lửa màu xanh; 01 (một) đoạn ống hút màu trắng và tím bằng nhựa; 22 (hai mươi hai) bao ni lông nhỏ bằng nhựa màu trong suốt;

Các vật chứng trên có số lượng, đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số 09/BBVC-CCTHADS ngày 19/11/2019 giữa cơ quan Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn N số tiền 800.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo đối với phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P (02 bản);
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo Nguyễn N;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú